TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2018
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phong
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Mạnh Diễn
2. Bà Nguyễn Thị Thích

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Thế T, sinh năm 1977, có mặt
2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị V, sinh năm 1979, có mặt
Cùng trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Trong đơn đề nghị giải quyết về ly hôn ngày 17/05/2017, đơn đề nghị giải quyết vụ án về Hôn nhân và gia đình ngày 30/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Đinh Thế T trình bày: Anh và chị Đỗ Thị V sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Từ năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên không sống chung với nhau nữa. Nay, anh cho rằng tình cảm hai bên không còn và không có khả năng đoàn tụ, do hai bên không đăng ký kết hôn nên anh yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận anh và chị V là vợ chồng.

- *Về con chung:* Anh T xác định anh và chị V có 03 con chung:

1. Cháu Đinh Thị Hải N, sinh ngày: 16/01/2002;

2. Cháu Đinh Thị Khánh L, sinh ngày: 28/6/2007;

3. Cháu Đinh Thế H, sinh ngày: 21/12/2011.

Hiện cháu N và cháu H đang do chị V nuôi dưỡng, cháu L do anh nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung và cũng không có bất cứ trình bày hay đề nghị gì. Anh xin giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay.

- *Về tài sản chung:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*. Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là chị Đỗ Thị V thừa nhận trình bày của nguyên đơn về hai bên không đăng ký kết hôn và thời gian chung sống với nhau như vợ chồng, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn, nay chị cũng xác định tình cảm hai bên không còn và không có khả năng đoàn tụ, nên nhất trí ly hôn và do hai bên không đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

- *Về con chung:* Chị xác định chị và anh T có: 03 con chung:

1. Cháu Đinh Thị Hải N, sinh ngày: 16/01/2002;

2. Cháu Đinh Thị Khánh L, sinh ngày: 28/6/2007;

3. Cháu Đinh Thế H, sinh ngày: 21/12/2011.

Hiện cháu N và cháu H đang ở với chị, cháu L đang ở với anh T. Ban đầu chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N, để anh T nuôi dưỡng cháu H và cháu L. Nhưng sau đó, chị xin thay đổi nguyện vọng: chị xin được nuôi dưỡng cháu N và cháu L, để anh T nuôi dưỡng cháu H. Lý do chị thay đổi lời khai là do chị tôn trọng nguyện vọng của các cháu là cháu L và cháu N đều trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th□ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị:

+ ẽp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016.

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị V.

+ *Về con chung:* Giao các con chung là cháu: Đinh Thị Hải N, sinh ngày: 16/01/2002 và cháu Đinh Thị Khánh L, sinh ngày: 28/6/2007 cho chị Đỗ Thị V nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Đinh Thế H, sinh ngày: 21/12/2011 cho anh Đinh Thế T nuôi dưỡng. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

+ *Về tài sản chung:* Không đề cập giải quyết.

+ *Về án phí:* Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc anh Đinh Thế T phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy, anh T và chị V chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và nay có yêu cầu ly hôn (mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả), nên Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai bên theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về con chung: Nhận thấy, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Chị V có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con chưa thành niên. Chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu: Đinh Thị Hải N, sinh ngày: 16/01/2002 và cháu Đinh Thị Khánh L, sinh ngày: 28/6/2007; để anh Đinh Thế T nuôi dưỡng cháu Đinh Thế H, sinh ngày: 21/12/2011. Cháu N và cháu L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Phía anh T không nhất trí với đề nghị của chị V, anh xin giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay: anh T nuôi dưỡng cháu L, chị V nuôi dưỡng cháu N và cháu H. Xét thấy, đề nghị của chị V phù hợp quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của con, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị V: Giao các con chung là cháu: Đinh Thị Hải N, sinh ngày: 16/01/2002 và cháu Đinh Thị Khánh L, sinh ngày: 28/6/2007 cho chị Đỗ Thị V nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Đinh Thế H, sinh ngày: 21/12/2011 cho anh Đinh Thế T nuôi dưỡng. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị V và anh T đều không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét.

3. Về tài sản chung: Do các bên không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Anh T phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đinh Thế T và chị Đỗ Thị V.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu: Đinh Thị Hải N, sinh ngày: 16/01/2002 và cháu Đinh Thị Khánh L, sinh ngày: 28/6/2007 cho chị Đỗ Thị V nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Đinh Thế H, sinh ngày: 21/12/2011 cho anh Đinh Thế T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Anh Đinh Thế T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2015/0001160 ngày 24/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình; xác nhận anh Đinh Thế T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Gia Bình;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Phong
(Đã ký)